

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/HS-ST**
Ngày 11 tháng 01 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Tâm
Bà Lê Thị Diễm Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Hiếu-Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2021/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ tên: Cao Hoàng N; Sinh ngày 11 tháng 10 năm 1993;

Nơi cư trú: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 8/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Cao Hùng P và bà Võ Kim B;

Có vợ tên Trần Thị Đ; Có 02 người con sinh năm 2012 và 2016;

Tiền án: Không;

Tiền sự: 01 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 11/QĐ-TA ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang, đến ngày 19/11/2019 bị cáo đã chấp hành xong nhưng trong thời gian chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính thì lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu vì đã từng bị đưa vào Cơ sở giáo dục về hành vi uống rượu say gây rối trật tự công cộng và đánh nhau với người khác gây mất an ninh trật tự ở địa phương vào năm 2012.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 17/11/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T, trú tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Thành N2, trú tại ấp N, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn D, trú tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- Bà Võ Thị Kiều O, trú tại ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

Người tham gia tố tụng khác:

- Ông Cao Hùng P, trú tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)

- Bà Võ Kim B, trú tại ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (có mặt)

- Anh Nguyễn Văn Mỹ C, trú tại ấp H1, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)

- Anh Bùi Hoàng N1, trú tại ấp H2, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt)

- Anh Phan Văn T1, trú tại ấp H2, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, là người làm chứng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Hoàng N, sinh ngày 11/10/1993 ngụ ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và Nguyễn Văn T, sinh ngày 16/02/2003 ngụ ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng là bạn bè chơi chung với nhau. Tuy nhiên, vào ngày 09/01/2021 Cao Hoàng N lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là xe mô tô của anh T, cụ thể như sau:

Vào khoảng 10 giờ, ngày 09/01/2021 sau khi cùng nhau đi chơi game chung, Cao Hoàng N cùng với những người bạn là Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N và Phan Văn T1 chở nhau trên xe mô tô biển kiểm soát 83C1-373.XX của T (N là người điều khiển lái xe) về nhà của anh Cao Hoàng B ở ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng chơi (B là anh ruột của N, gia đình anh B đã đi làm thuê không có ai ở nhà nên N thường đến ở). Khi về đến nhà của anh B thì N đậu xe mô tô của T ở trước hàng ba nhà của anh B và anh T lấy lại chìa khóa xe và bỏ vào túi quần của mình, sau đó N rủ T đi vớt ốc ở phía sau vườn nhà anh B, thì anh T đồng ý, anh T mượn quần áo của N để mặc và thay quần áo của anh T ra treo trên sào trong nhà của anh B. Sau khi T và N đi vớt ốc, N tự ý tìm lấy chìa khóa xe của T cất trong túi quần của T để lấy xe và rủ T1 đi chơi game và chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền ở gần cầu B thuộc ấp H1, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, T1 không đồng ý nhưng hỏi đi nhờ xe N để về nhà T1 vì cùng tuyến đường đi của N. N lấy xe của T điều khiển chở T1 ngồi sau chạy về hướng chùa G (xã X), khi đến nhà T1 thì T1 xuống xe đi vào nhà, N tiếp tục điều khiển xe đi chơi game nhưng do cúp điện không chơi

game được. N mới điều khiển xe của T đi chơi lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền ở gần cầu B thì thua hết tiền. Lúc này, N nảy sinh ý định lấy xe mô tô của T đem đi cầm để lấy tiền chơi tài xỉu tiếp, do không biết địa điểm cầm xe nên N điện thoại cho anh N1 để nhờ N1 đi cầm dùm và N nói dối N1 là cầm dùm xe cho T, thì N1 đồng ý. N điều khiển xe của T đến nhà N1 nhưng khi đến nhà N1 do xe của N1 bị hỏng nên N cùng với N1 kè xe đi sửa. Sau đó, N1 kêu N đến quán cà phê gần đó để đợi, N1 điện thoại cho anh C để nhờ C dẫn đến tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Thành N2 để cầm chiếc xe mô tô của T. N1 và C điều khiển xe đến tiệm cầm đồ của ông N2, anh C đứng ra giao dịch với ông N2, do xe không có giấy tờ nên ông N2 đồng ý nhận cầm chiếc xe của T giá 3.000.000đ với điều kiện C và N1 phải chuộc chiếc xe mô tô của anh K (bạn của C và N1) đã cầm trước đó với giá 1.000.000đ, N1 và C đồng ý chuộc dùm xe của K. Sau khi thỏa thuận xong ông N2 đưa cho N1 số tiền 2.000.000đ, C điều khiển xe chở N1 đến quán cà phê để gặp N. N1 đưa cho N số tiền 2.000.000đ và mượn lại 800.000đ để cùng với N đi chơi tài xỉu ăn thua bằng tiền ở gần cầu B. Sau khi đánh bạc thua hết tiền, N bỏ trốn đi khỏi địa phương, riêng anh T sau khi phát hiện xe mô tô biển số 83C1- 373.XX bị mất, anh T điện thoại liên hệ nhiều lần với N để lấy lại xe nhưng N không trả lại, đến ngày 02/02/2021 anh T đến Công an xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng trình báo vụ việc. Trong quá trình điều tra xử lý tin báo, đến ngày 18/9/2021 N đã cùng với C đến tiệm cầm đồ của ông N2 để chuộc lại chiếc xe với giá 5.000.000đ và giao nộp cho Cơ quan Công an để trả lại cho chủ sở hữu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/BB ngày 12/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Kế Sách kết luận: Một xe mô tô hiệu Wave, dung tích 109 cm³, biển kiểm soát: 83C1-373.XX, số khung YY, số máy XX, màu đỏ-đen-bạc, xe đăng ký lần đầu ngày 13/4/2017, giá trị còn lại 63,11%; thành tiền 17.800.000 đồng x 63,11% = 11.233.580 đồng

Trên cơ sở kết quả điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 21/9/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Cao Hoàng N về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; tuy nhiên, trong thời gian điều tra, N vi phạm nghĩa vụ cam đoan nhiều lần không có mặt theo giấy triệu tập nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam từ ngày 17/11/2021.

Cáo trạng số 46/CT-VKSND-HKS, ngày 29/11/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách nhận định hành vi phạm tội nêu trên của Cao Hoàng N thuộc trường hợp lén lút lấy tài sản của người khác có giá trị là 11.233.580 đồng nên phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Kế Sách để xét xử Cao Hoàng N về tội này.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản Cáo trạng số 46/CT-VKS-H.KS, ngày 29/11/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Cao Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của bị cáo, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h,

i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cao Hoàng N, xử phạt bị cáo với mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, bị hại là anh Nguyễn Văn T đã được nhận lại tài sản bị mất là xe mô tô 83C1-373.XX nên không yêu cầu bị cáo trả lại, tuy nhiên, bị hại cho biết xe mô tô này là phương tiện dùng để đi lại và là phương tiện mưu sinh của gia đình, khi bị mất trộm một thời gian dài đã ảnh hưởng đến nguồn thu nhập, bị hại đã yêu cầu bị cáo bù đắp số tiền 5.000.000đ, ngoài ra bị hại yêu cầu bị cáo khắc phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi của xe mô tô do có một số phụ tùng bị thay thế và bị mất, bằng số tiền 200.000 đồng, tổng cộng là 5.200.000 đồng, được bị cáo đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này để buộc bị cáo bồi thường.

Lời nói sau cùng của bị cáo là đã thấy được việc làm của mình khi thực hiện các hành vi đã được phân tích tại phiên tòa là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N2 và một số người làm chứng, nhưng xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử và tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người có mặt đều không yêu cầu hoãn phiên tòa, nên căn cứ vào Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo theo Cáo trạng truy tố về tội “Trộm cắp tài sản”, tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ các hành vi phạm tội của mình, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; cụ thể là bị cáo thừa nhận đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản có giá trị 11.233.580đ của người khác đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương. Vì vậy, việc Viện Kiểm sát truy tố ra trước Tòa án để xét xử bị cáo Cao Hoàng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các

trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm

b) Đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội được quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật”.

[5] Xét thấy bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì chỉ muốn hưởng thụ thành quả lao động của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật, nên bị cáo đã thực hiện các hành vi phạm tội nêu trên. Hội đồng xét xử cần thiết phải áp dụng một hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội sau này và đồng thời cũng răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; tài sản mà bị cáo lấy trộm đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên được coi là chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; bị cáo không có tiền án nên được áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra tại phiên tòa, bị cáo đồng ý theo mức bồi thường thiệt hại của bị hại đưa ra và được bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, đồng thời xét hoàn cảnh bị cáo còn phải nuôi con nhỏ chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại sau khi đã được nhận lại tài sản bị mất là xe mô tô biển số 83C1-373.XX, bị hại còn có yêu cầu bị cáo bồi thường bằng số tiền là 5.200.000 đồng do trong thời gian bị mất trộm xe mô tô đã làm mất thu nhập và khắc phục sửa chữa những hư hỏng, mất mát phụ tùng xe, tại tòa, bị cáo đã tự nguyện đồng ý và xét thấy yêu cầu này là hợp lý nên được Hội đồng xét xử ghi nhận để buộc bị cáo bồi thường số tiền này cho bị hại.

[8] Về án phí: Người bị kết án phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 38, 48, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 292, 293, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Hoàng N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt Cao Hoàng N 06 (sáu) tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 17 tháng 11 năm 2021).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Cao Hoàng N bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn T số tiền 5.200.000 (năm triệu hai trăm nghìn) đồng. Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Cao Hoàng N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, tổng cộng là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ đối với người vắng mặt, theo quy định tại các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo và đương sự trong vụ án
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu